



chū qí bù yì

出其不意

idiom · to catch someone off guard

Example Sentences

Tā chū qí bù yì de chū xiàn zài wǒ miàn qián.
他出其不意地出现在我面前。

He appeared in front of me unexpectedly.

Jūn duì cǎi yòng chū qí bù yì de zhàn shù yíng dé le shèng lì.
军队采用出其不意的战术赢得了胜利。

The army won the victory by using an unexpected tactic.

Trace each character, then write the word on your own.

出	出	出	出	出	出	出	出				
其	其	其	其	其	其	其	其	其	其	其	其
不	不	不	不	不	不	不					
意	意	意	意	意	意	意	意	意	意	意	意
意	意	意	意	意							